

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
5.16	KĐT số 3, thị trấn Tân An				
-	Mặt đường gom Tây Yên Tử, rộng 58,5 (xây thô)	50.000			
-	Mặt đường rộng 42 m	40.000			
-	Mặt đường đôi, mỗi bên rộng 18m	35.000			
-	Mặt đường rộng 21m (lần 2 đường gom Tây Yên Tử)	30.000			
-	Mặt đường rộng 21m (lần 3 đường gom Tây Yên Tử)	20.000			
-	Mặt đường rộng 27m	25.000			
-	Mặt đường rộng 21m (các đoạn đường còn lại)	17.000			
5.17	Đường nối đường tỉnh 299 đoạn từ Trường THCS Tân Cũ đến cuối hồ Long Trì (nhà ông Bách, Lũng)	15.000			
5.18	Đường nối đường tỉnh 299 đoạn từ giáp TDP Quán Tráng đến hết đất nhà ông Phú (đường sang TDP Gáo, phường Tân Tiến)	9.000			
5.19	Đường nối đường tỉnh 299 đoạn đầu nhà ông Giáp đến hết đất TDP Quán Tráng (đường sang TDP Gáo, phường Tân Tiến)	12.000			
6	PHƯỜNG YÊN DŨNG				
*	Địa phận Phường Nham Biền (cũ)				
6.1	Đường Trần Hưng Đạo				
-	Đoạn từ Bưu điện huyện cũ đến điểm giao đến đường Pháp Loa	33.000	20.000		
-	Đoạn từ điểm giao đường Pháp Loa đến Cổng Buộm	31.000	18.500		
6.2	Đường Hoàng Hoa Thám từ điểm đầu giao đường tỉnh 299 (đường 398 cũ) đến cây xăng Anh Phong	31.000	18.500		
6.3	Đường Lê Đức Trung	33.000	20.000		
6.4	Đường Nguyễn Viết Chất	22.000	13.500		
6.5	Đường Đào Sư Tích	20.000			
6.6	Đường Pháp Loa				
-	Đoạn từ vị trí điểm đầu (Phía Nam của chợ Neo) đến điểm giao cắt với đường Trần Hưng Đạo	33.000	20.000		
-	Đoạn từ điểm cắt với đường Trần Hưng Đạo đến điểm cuối đường phố Ba Tổng	27.500			
6.7	Đường Phạm Túc Minh				
-	Đoạn từ nhà văn hóa Tò dân phố 3 (hiện nay) đến điểm giao cắt đường Đào Sư Tích	13.500	8.000		
-	Đoạn từ đường Đào Sư Tích đến điểm giao đường Ngô Uông	22.000	13.500		
6.8	Đường Lưu Viết Thoảng				
-	Đoạn từ điểm đầu đường (Nhà bà Sáu Cứ) đến đoạn giao cắt đường Pháp Loa (nhà bà Quý Đức)	12.000	7.000		
-	Đoạn từ điểm cắt với đường Pháp Loa đến điểm giao đường Hoàng Hoa Thám	22.000	18.500		
6.9	Đường Trần Nhân Tông				
-	Đoạn từ Bưu điện huyện cũ đến hết đất quán Bắc Hương	22.000	13.500		
-	Đoạn từ hết đất quán Bắc Hương đến hết đất nhà ông Cửa	16.500	10.000		
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Cửa đến đầu cầu Bến Đám	13.500	8.000		
6.10	Đường Ngô Uông (Đoạn từ điểm giao cắt với đường Phạm Túc Minh đến điểm cuối tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám).	13.500	8.000		
6.11	Phố Ba Tổng				

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Đoạn từ Đình Ba Tổng đến điểm rẽ TDP Biên Đông phường Cảnh Thụy	13.500	8.000		
-	Đoạn từ điểm rẽ TDP Biên Đông phường Cảnh Thụy đến điểm cuối giáp với đường Pháp Loa	11.000	7.000		
-	Đoạn từ điểm rẽ TDP Biên Đông phường Cảnh Thụy đến hết địa phận phường Yên Dũng (giáp phường Cảnh Thụy)	8.000			
6.12	Đoạn từ nút giao đường Trần Nhân Tông (đường tỉnh 299) đến gầm cầu Bến Đám	11.000	7.000		
6.13	Đoạn từ gầm cầu Bến Đám đi xã Tân Liễu (cũ) đến hết địa phận phường Nham Biền (cũ).	8.000	5.000		
6.14	Quốc lộ 17				
-	Đoạn từ nút giao QL17 đi cầu Yên Dũng đến hết địa phận phường Yên Dũng (giáp đất phường Tiền Phong)	22.000	13.500		
6.15	Đường Hoàng Hoa Thám kéo dài từ cây xăng Anh Phong đến hết đất ông Ánh giáp Quốc lộ 17 (Tỉnh lộ 398 cũ)	27.500	15.000		
6.16	Trục đường nối và đường gom từ Quốc lộ 17 đi Quốc lộ 18 (đi cầu Yên Dũng)	30.000			
6.17	Đường tỉnh 398 đoạn giáp đất phường Cảnh Thụy đến điểm giao QL 18 (khu công nghiệp Yên Lư)	22.000	13.500		
6.18	Đường từ Ngã tư Tổ dân phố Minh Phượng đi Tổ dân phố Đông Hương (đường huyện ĐH5 cũ)	13.500	8.000		
6.19	Bờ kênh Nham Biền đoạn từ Cổng Kem đến ngã ba tổ dân phố Yên Phượng	13.500	8.000		
6.20	Khu dân cư Lạc Phú phường Yên Dũng				
-	Đoạn từ đầu đường Hoàng Hoa Thám kéo dài đi Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng (gần trường THPT Yên Dũng số 1).	22.000			
-	Đoạn đường tiếp giáp với kênh Nham Biền (song song với đường Hoàng Hoa Thám kéo dài)	22.000			
-	Các vị trí còn lại của Khu dân cư Lạc Phú và diện tích đất ở tiếp giáp với các trục đường quy hoạch khu dân cư Lạc Phú	13.500			
6.21	Khu đô thị Gwin đối với các thửa đất không tiếp giáp với trục đường đã được đặt tên				
-	Các thửa đất có mặt đường mặt cắt ≥ 16 m	18.500			
-	Các thửa đất có vị trí còn lại	13.500			
6.22	Đoạn từ sau cây xăng Anh Phong đến hết thửa đất ông Giang The	10.000			
6.23	Đoạn từ ngã ba ông Giang The đến hết đất giáp đường Ngô Uông	10.000			
6.24	Các vị trí còn lại các tổ dân phố phường Yên Dũng (đối với các tổ dân phố thuộc thị trấn Neo, xã Nham Sơn và xã Yên Lư cũ)	6.000	3.600	2.200	
6.25	Các vị trí còn lại của các tổ dân phố thuộc phường Yên Dũng (đối với các thôn thuộc xã Thắng Cương cũ)	4.500	3.200	1.600	
6.26	Các vị trí còn lại của các tổ dân phố thuộc phường Yên Dũng (đối với các TDP thuộc xã Tân Liễu cũ)				
-	Các vị trí còn lại thuộc TDP Tân Độ và TDP Liễu Nham	3.900	2.300	1.300	
-	Các vị trí còn lại thuộc TDP Liễu Đề	3.200	1.900	1.150	

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
*	Trục đường chính thuộc các xã (cũ)				
6.27	Địa phận xã Yên Lư (cũ)				
-	Đoạn từ Ngã ba Yên Phương đến hết khu dân cư mới thuộc tổ dân phố Yên Phương (trừ các thửa đất thuộc khu dân cư thôn Bùi Bền)	16.000	9.600		
-	Đoạn từ hết khu dân cư mới tổ dân phố Bùi Bền đến Bến đò Cung kiếm	12.000	7.200		
-	Từ Ngã 3 Yên Phương đến Kè Tràn (hết đất nhà bà Luyến, tổ dân phố Yên Sơn)	12.000	7.200		
-	Từ đoạn rẽ đường nối QL 17 địa phận xã Yên Lư đi Trạm Bơm Yên Tập (hết đất nhà ông Chính, thôn Yên Tập Bắc)	10.000	6.000		
-	Đoạn từ cầu Yên Hồng (xã Yên Lư cũ) đến hết thửa đất ông Hưng (giáp đường QL17)	5.000	3.000		
-	Đoạn QL 17 cũ đoạn từ đất bà Ty đến hết đất ông Nguyễn Trường Sinh cạnh điểm giao với QL 17	12.000			
-	Đoạn Cầu mới từ đất ông Tam đi tổ dân phố Trúc Tay, phường Nénh	8.000			
-	Đoạn từ đất ông Dương Văn Luyến (Cứ) đến hết đất ông Nguyễn Văn Đề thuộc TDP Thành Long	10.000			
6.28	Địa phận xã Tân Liễu (cũ)				
-	Đoạn từ giáp địa phận Nham Biền (cũ) đến đầu Đa TDP Tân Độ	8.500	5.000		
-	Đoạn đường Quốc phòng từ đầu Đa TDP Tân Độ đến đường đi hồ cầu Phấn Sơn	10.000	6.000		
-	Đường Khe Ngò thuộc TDP Tân Độ; đường khe Đội 3 thuộc TDP Liễu Nham	4.500	2.700		
6.29	Địa phận xã Thắng Cương (cũ)				
-	Đoạn từ ngã tư ông Phạm Công Ninh TDP Phấn Lôi đến UBND xã Thắng Cương cũ	6.000			
-	Đoạn từ ngã tư ông Chính TDP Thắng Lợi Thượng đến đất ông Sản TDP Tân Cương (trục đường đi TDP Đồng Hương)	6.000			
*	Các khu dân cư mới				
6.30	HTKT thôn Minh Phương, xã Nham Sơn (nay là TDP Minh Phương, phường Yên Dũng) (khu vườn vải)	12.000			
6.31	Khu dân cư tiểu khu 3, tiểu khu 4,5 thị trấn Neo (nay là phường Yên Dũng) đối với các thửa đất không nằm trên trục đường đã được đặt tên của phường Nham Biền (cũ)	18.000			
6.32	HTKT tổ dân phố An Thái (khu Lầy An Thái)	12.000			
6.33	HTKT tổ dân phố Kem đoạn đường vào trường bán tổ dân phố Kem	12.000			
6.34	Khu dân cư tiểu khu 4,5, thị trấn Neo thuộc xứ đồng Đường Glóng (nay là phường Yên Dũng) đối với các thửa đất không tiếp giáp với trục đường đã được đặt tên				
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5m	18.000			
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5m, đối diện hồ điều hòa	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 18,0m, lòng đường rộng 9m, vỉa hè 2 bên mỗi bên 4,5m, đối diện trường học, huyện đội cũ	22.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
6.35	KĐT số 1, phường Nham Biền sau Chi cục thuế cũ (Nay là phường Yên Dũng)				
-	Đường QH, mặt cắt 19,5m, lòng đường 10,5m, hè đường 2x 4,5m	18.000			
-	Đường QH, mặt cắt 16m, lòng đường 7m, hè đường 2x 4,5m	15.000			
-	Đường QH, mặt cắt 25m, lòng đường 13m, hè đường 2x 6m	20.000			
-	Đường QH, mặt cắt 32m, lòng đường 20m, hè đường 2x 6m	22.000			
6.36	KĐT số 2, thị trấn Nham Biền (đối diện khu, cụm công nghiệp Yên Lư) (nay là phường Yên Dũng) đối với các thửa đất không tiếp giáp với đường nối Quốc lộ 18 đi Quốc lộ 17				
-	Đường QH, mặt cắt 29 m, Lòng đường 11m, hè đường trái 6,0m, hè đường phải 12m (LK03)	25.000			
-	Mặt cắt đường rộng 20m: Lòng đường rộng 8m, hè đường 2x6m (LK 02, 03, 04)	19.000			
-	Đường QH, mặt cắt 36 m, Lòng đường 24m, hè đường 2x6m (LK01)	27.000			
6.37	Khu dân cư Đầu trại trên tổ dân phố Minh Phượng, phường Yên Dũng				
-	Vị trí các thửa đất phía sân vận động TDP Minh Phượng (từ lô 11 đến lô số 13)	10.000	6.000		
-	Vị trí các thửa đất phía sau của trường Mầm non Nham Biền số 2 (từ lô 12 đến lô số 16)	12.000	7.200		
6.38	KDC đầu trại dưới tổ dân phố Minh Phượng, phường Yên Dũng				
-	Đối với các lô tiếp giáp kênh Nham Biền	22.000			
-	Đối với các lô còn lại	12.000			
6.39	HTKT khu đấu giá và Khu tái định cư dự án sạt lở đe thuộc xã Thăng Cương cũ	10.000	6.000		
6.40	Khu TKPL tổ dân phố Minh Phượng (sân bóng xã Nham Sơn cũ)	12.000			
*	Các khu dân cư đấu giá				
6.41	KDC tổ dân phố Kem, TT Nham Biền (Nay là phường Yên Dũng)				
-	Mặt cắt đường rộng 16m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 2x4,5m (Đối diện khu nhà ở xã hội)	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 15,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,0m (Đối diện khuôn viên cây xanh)	18.500			
-	Mặt cắt đường rộng 16m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 2x4,5m (không đối diện khu nhà ở xã hội)	18.500			
6.42	KDC tổ dân phố Kem - Phương Sơn, TT Nham Biền (cũ) (nay là phường Yên Dũng)				
-	Mặt cắt đường rộng 16,0m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 2x4,5m.	18.500			
-	Mặt cắt đường rộng 13,5m, lòng đường rộng 5,5m, vỉa hè 2x4,0m.	16.500			
-	Mặt cắt đường rộng 15,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,0m.	19.000			

STT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,5m.	19.000			
6.43	HTKT Tiểu khu 3, thị trấn Nham Biền (Nay là phường Yên Dũng) cạnh Thực Liễu				
-	Mặt cắt đường rộng 16,5m, lòng đường rộng 7,5m, vỉa hè 2x4,5m	18.000			
-	Mặt cắt đường rộng 16m, lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 2x4,5m	20.000			
-	Mặt cắt đường rộng 19,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè 2x4,5m	22.000			
6.44	Khu dân cư thôn Bùi Bền, xã Yên Lư	19.000			
*	Đất ven các trục đường giao thông				
6.45	Đường từ Công an phường đi xã Thắng Cương cũ (đường ĐH4 cũ)	10.000	6.000		
6.46	Đường tỉnh 398 thuộc địa phận phường Yên Dũng giáp đất phường Cảnh Thụy đến giáp TDP Trúc Tay, phường Nénh (đường huyện ĐH5B)				
-	Đoạn từ điểm giao đường nối QL17 đến hết đê Tả Cầu Yên Lư (thuộc địa phận xã Yên Lư cũ)	18.000	11.000		
-	Đoạn từ đê Tả Cầu đến hết địa phận phường Yên Dũng giáp địa phận phường Nénh	15.000	9.000		
*	Khu dân cư dự kiến đầu giá 2026-2030				
6.47	Khu tái định cư Khu công nghiệp Yên Lư thuộc tổ dân phố Thành Long				
-	Mặt cắt đường rộng 22,5m, lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè 2x6m.	12.000			
-	Mặt cắt đường rộng 20m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè 2x6m.	11.000			
-	Mặt cắt đường rộng 17m, lòng đường rộng 8m, vỉa hè phía phân lô 6m, phía dân cư hiện trạng 3m.	11.000			
6.48	Khu tái định cư Núi Rùa thuộc tổ dân phố 6	13.500	8.000		
6.49	Khu tái định cư thuộc tổ dân phố Kem cạnh khu nhà ở xã hội	18.500	11.000		
7	PHƯỜNG CẢNH THUY				
7.1	Đường tỉnh 398 (đường ĐH.5B)				
-	Đoạn từ điểm giao Đường tỉnh 299 đến hết địa phận phường Cảnh Thụy.	20.000	12.000		
7.2	Đường tỉnh 299 D (đường dẫn lên cầu Đồng Việt)				
-	Đoạn địa phận phường Cảnh Thụy	20.000	12.000		
7.3	Đường tỉnh 299 (đường 398 cũ)				
-	Đoạn từ cổng Buộm (tiếp giáp phường Yên Dũng) đến cây xăng ông Bộ	22.000	13.200		
-	Đoạn từ cây xăng ông Bộ đến trường THPT Yên Dũng số 3	18.000	10.800		
-	Đoạn từ trường THPT Yên Dũng số 3 hết địa phận phường Cảnh Thụy (tiếp giáp xã Đồng Việt).	16.000	9.600		
7.4	Đường trục xã				
-	Đoạn từ ngã tư cây xăng ông Bộ đi điểm giao cắt đường Pháp Loa đến cổng Đình (ngã 3, TDP Tây).	15.000	9.000		
-	Đoạn từ ngã tư cây xăng ông Bộ đến đường ĐH.5B	15.000	9.000		
-	Đoạn từ đường ĐH.5B đi ngã 3 UBND xã Tư Mại cũ đi cầu Thượng TDP Đông Khánh đến bến dò Phù Lãng.	10.000	6.000		